**KẾ HOẠCH BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

**Trường: THCS Yên Bình Họ tên giáo viên: Phạm Thị Oanh**

**Tổ :KHTN Ngày soạn: 19/09/2022**

**Tiết: 34-35: Kiểm tra giữa học kì 1**

**Bộ sách:Cánh diều : Thời gian:90 phút**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a.Chủ đề 1:Mở đầu**

– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên

– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.

– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...).

– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu

**b.Các phép đo**

- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.

- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.

– Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.

- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.

**c. *Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí***

– Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên.

-Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.

– Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).

– Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.

– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.

***d.Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng***

– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu,

-Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm.

– Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng.

– Thu thập dữ liệu thảo luận để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm.

**2. Về phẩm chất:**Trung thực,chăm chỉ

**II. YÊU CẦU**

1.Giáo viên: Làm khung ma trận,bản đặc tả và đề kiểm tra

2. Học sinh:Học bài,chuẩn bị bút

**III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra giữa học kì 1 | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút | Kiểm tra giữa học kì 1 | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

**1. Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra học kì 1 khi kết thúc nội dung: Bài 9:Một số lương thực -thực phẩm thông dụng

**- Thời gian làm bài:** 60 phút

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

**- Cấu trúc:**

**+ Mức độ đề**:40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

**+ Phần trắc nghiệm:** 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;

**+ Phần tự luận:** 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

**+ Nội dung kiểm tra:**

\* Đối với bài kiểm tra giữa kỳ thì lấy YCCĐ thuộc đầu kỳ đến thời điểm kiểm tra.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu/ số ý** | | **Điểm số** |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |
| TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN |
| 1 | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 1.Mở đầu |  | 6 |  | 1 |  |  |  |  |  | 7 | 1,75 |
| 2.Các phép đo |  | 2 | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | 3 | 2.75 |
| 3.Các thể (trạng thái )của chất.Oxygen (oxi) và không khí | 2 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | 3 | 2.75 |
| 4.Một số vật liệu,nhiên liệu ,nguyên liệu,lương thực,thực phẩm thông dụng ;tính chất và ứng dụng của chúng. |  | 1 |  | 2 | 1 |  |  |  | 1 | 3 | 2,75 |
| **Số câu (20 Câu)** | **1** | **12** | **1** | **4** | **1** |  | **1** |  | **5** | **16** | **10,00** |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6.0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4điểm** | | **3 điểm** | | **2điểm** | | **1 điểm** | | **10 điểm** | | **10điểm** |

**2. Bản đặc tả**

| **Nội dung và đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Câu số) | TN  (Câu số) |
| ***1. Mở đầu (7 tiết)*** | | |  | **7** |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên |  | **1** |  | C6 |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 3 |  | C4,5,7 |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | 2 |  | C3,10 |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  | 1 |  | C15 |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
|  | ***2. Các phép đo (10 tiết)*** | | **2** | **3** |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C9 |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C12 |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  |  |  |  |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. | 1 |  | C2a(TL) |  |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. | 1 | 1 | C2b(TL) | C8 |
| **Vận dụng** | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
|  | ***3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7 tiết)*** | | **3** | **3** |  |  |
| – Sự đa dạng của chất  – Ba thể (trạng thái) cơ bản của  – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. |  | **1** |  | C16 |
| - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo. |  |  |  |  |
| **-** Nêu được chất có trong các vật vô sinh. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  | **1** |  | C14 |
| – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự đông đặc. |  | **1** |  | C1 |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn. |  |  |  |  |
| **Nhận biết** | – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). | **1** |  | C1(TL) |  |
| – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. | **1** |  | C1(TL) |  |
| – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |  |  |
| - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.  - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.  – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | **1** |  | C4(TL) |  |
|  | ***4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)*** | | **2** | **3** |  |  |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... |  | **1** |  | C11 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm. |  | 2 |  | C2,13 |
| **Vận dụng** | – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. | **1** |  | C3(TL) |  |
| – Thu thập dữ liệu thảo luận để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. | **1** |  | C3(TL) |  |
| **Vận dụng cao** | Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |

**3.Đề kiểm tra** :Thời gian làm bài :90 phút

1. TRẮC NGHIÊM (4,0 điểm )

Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

**Câu 1.Khái niệm nào sau đây là đúng:**

1. Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể rắn của chất.
2. Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất.

C.Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể hơi của chất.

D.Sự đông đặc là quá trình chuyển từ thể khí sang thể lỏng của chất.

**Câu 2.**Vật liệu có tính chất trong suốt là

1. kim loại đồng.
2. thủy tinh.
3. gỗ.
4. thép.

**Câu 3. Việc làm nào sau đây không phải là việc bảo quản kính hiển vi?**

1. Lau khô sau khi sử dụng
2. Để nơi khô ráo, tránh mốc ở bộ phận quang học
3. Rửa sạch bộ phận quang học bằng nước khoáng.
4. Kính phải được bảo dưỡng định kì.

**Câu 4. Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?**

1. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.
2. Chỉ làm thí nghiệm, thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên.
3. Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hoá chất, dụng cụ, thiết bị trong phòng thực hành.
4. Tất cả các ý trên.

**Câu 5. Biển báo ở hình bên cho chúng ta biết điều gì?**



1. Chất dễ cháy.
2. Chất gây nổ.
3. Chất ăn mòn.
4. Phải đeo găng tay thường xuyên.

**Câu 6. Lĩnh vực nào sau đây không thuộc về khoa học tự nhiên (KHTN)?**

**A. S**inh Hoá. B. Thiên văn. C. Lịch sử. D. Địa chất.

**Câu 7. Việc làm nào sau đây được cho là không an toàn trong phòng thực hành?**

1. Đeo gang tay khi lấy hóa chất
2. Tự ý làm các thí nghiệm
3. Sử sụng kính bảo vệ mắt khi làm thí nghiệm
4. Rửa tay trước khi ra khỏi phòng thực hành.

**Câu 8.**Để đo được bề dày của cuốn sách Khoa học tự nhiên lớp 6 ta cần sử dụng dụng cụ đo nào sau đây?

A.Cân

B.Thước thẳng

C.Bình chia độ

D.Đồng hồ bấm giây

**Câu 9. Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta là**

**A**. dềximet (dm). **B**. mét (m). **C.** centimet (cm). **D.** milimet (mm).

**Câu 10.**Nếu không may bị hoá chất rơi vào cơ thể hoặc quần áo thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

A. Đưa ngay ra trung tâm y tế cấp cứu, B. Hô hấp nhân tạo.

C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép ngay vào vị trí đó .D. Rửa sạch bằng nước ngay lập tức.

**Câu 11. Việ c làm nào có thể an toàn khi sử dụng xăng**

**A .**Vận chuyển xăng trong các thiết bị chuyên dụng.

B.Để xăng gần nguồn nhiệt.

C.Sử dụng điện thoại tại các trạm xăng.

D.Lưu trữ xăng trong các chai nhựa để tiện sử dụng.

**Câu 12.**  Để đo khối lượng của một vật ta dùng dụng cụ nào.

A. Thước đo. B. Kính hiển vi. C. Cân. D. Kính lúp.

**Câu 13**. **Nhiên liệu hóa thạch**

**A.** là nguồn nhiên liệu tái tạo.

**B.** là đá chứa ít nhất 50% xác động và thực vật.

**C.** chỉ bao gồm dầu mỏ, than đá.

**D.** là nhiên liệu hình thành từ xác sinh vật bị chôn vùi và biến đổi hàng triệu năm trước.

**Câu 14. Quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất là**

1. sự nóng chảy
2. sự đông đặc
3. sự bay hơi
4. sự ngưng tụ

**Câu 15.** Theo em, việc ngiên cứu sản xuất vacxin phòng Covid 19 thể hiện vai trò nào dưới đây của khoa học tự nhiên?

A. Bảo vệ sức khoẻ và cuộc sống của con người.

B. Cung cấp thông tin và nâng cao hiểu biết của con người.

C. Mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế

D. Bảo vệ môi trường.

**Câu 16. Vật thể nào sau đây chứa sắt?**

1. Hạt ngô
2. Hạt gạo
3. Củ khoai
4. Lưỡi cuốc
5. **PHẦN TỰ LUẬN: ( 6 ĐIỂM)**

**Câu 1:** Nêu tính chất vật lí và tầm quan trọng của oxygen (1,0 điểm )

**Câu 2.**(2,0 điểm)

a) Cho hai dụng cụ đo: Thước có giới hạn đo 30cm, độ chia nhỏ nhất 1mm và thước có giới hạn đo 100cm, độ chia nhỏ nhất 1mm. Em hãy chọn một thước đo thích hợp để đo chiều rộng bàn học của em và giải thích vì sao chọn thước đó.

b) Để thực hiện đo thời gian đi từ cổng trường vào lớp học, em dùng loại đồng hồ nào? Giải thích sự lựa chọn của em.

**Câu 3**. (2,0 điểm): Gas là một chất rất dễ cháy, khi gas trộn lẫn với oxygen trong không khí nó sẽ trở thành một hỗn hợp dễ nổ. Hỗn hợp này sẽ bốc cháy và nổ rất mạnh khi có tia lửa điện hoặc đánh lửa từ bật gas, bếp gas.

a) Chúng ta nên làm gì sau khi sử dụng bếp gas để đảm bảo an toàn?

b) Tại sao nên để bình gas ở nơi thoáng khí?

c) Trong trường hợp đang nấu ăn mà vòi dẫn gas bị hở và gas phun ra, cháy mạnh thì ta nên làm thế nào?

d) Khi đi học về, mở cửa nhà ra mà ngửi thấy mùi gas thì em nên làm gì?

**Câu 4.**(1,0 điểm): Trình bày một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí?

---------- Hết ---------

**4.Hướng dẫn chấm và biểu điểm**

1. **TRẮC NGHIỆM ( mỗi ý đúng được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | A | B | C | D | C | C | B | B | B | D | A | C | D | A | A | D |

1. **TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1.**  **(1điểm)** | -Nêu tính chất vật lý của o xy gen  Chất khí, không màu, không mùi, không vị ít tan trong nước  --Tầm quan trọng:  Cần cho sự sống của sinh vật trên trái đất và duy trì sự cháy | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 2**  **(2 điểm)** | a) Trước khi đo em ước lượng bàn học của em dài khoảng 50cm nên em chọn thước đo có giới hạn đo 100cm, độ chia nhỏ nhất 1mm. Vì chọn thước đo này chỉ cần đo một lần là được kết quả, tránh đo nhiều lần mất thời gian và có thể dẫn đến sai số trong phép cộng các kết quả.  b) Khoảng thời gian đi bộ từ cổng trường vào lớp học khá ngắn, nên để đo chính xác thời gian đi từ cổng trường vào lớp học, em dùng loại đồng hồ bấm giây. | 1,0điểm  1,0 điểm |
| **Câu3**  **(2 điểm)** | a) Sau khi sử dụng bếp gas thì nên khóa van an toàn để tránh trường hợp gas bị rò ra ngoài có thể gây cháy nổ.  b) Để bình gas nơi thoáng khí để khi lỡ có rò gas thì khí cũng bay ra xa, làm loãng lượng gas trong không gian nhà bếp và tránh được nguy cơ cháy nổ.  c) Khi vòi dẫn gas bị hở và cháy, cần bình tĩnh tránh xa ngọn lửa, sau đó vặn khóa van an toàn bình gas lại. Trong trường hợp ngọn lửa lớn không tiếp xúc được với khóa gas thì dùng chăn ướt tấp kín để dập tắt ngọn lửa rồi khóa van an toàn bình gas.  d) Đi học về mà ngửi thấy mùi gas thì nên hành động như sau:  - Mở hết cửa để khí gas bay ra ngoài.  - Khóa van an toàn ở bình gas.  - Tuyệt đối không bật công tắc điện, không đánh lửa.  - Báo cho người lớn để kiểm tra và sửa chữa trước khi sử dụng lại. | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,5 điểm    0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |
| **Câu 4**  **(1,0 điểm)** | Biện pháp bảo vệ không khí:  - Quản lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, vứt rác đúng nơi quy định.  - Tuyên truyền nâng cao ý thức con người.  - Tiết kiệm điện và năng lượng, tắt điện khi không sử dụng.  - Sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường, trồng nhiều cây xanh. | 0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm  0,25 điểm |